

**I. PHẠM VI ÔN TẬP: Từ bài 1 đến bài 13**

**II. NỘI DUNG:**

**1. Địa lí dân cư**

- Cộng đồng các dân tộc Việt Nam
- Dân số và gia tăng dân số
- Phân bố dân cư, đặc điểm đô thị hóa
- Lao động việc làm, chất lượng cuộc sống

**2. Địa lí ngành kinh tế**

- Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam
- Ngành nông nghiệp Việt Nam
- Ngành công nghiệp Việt Nam
- Ngành dịch vụ Việt Nam

**3. Thực hành**

- Ôn tập kĩ năng: Dấu hiệu nhận biết vẽ biểu đồ tròn và biểu đồ đường, tính toán biến đổi bảng số liệu, phân tích bảng số liệu để rút ra nhận xét phù hợp.
- Rèn luyện kĩ năng khai thác kiến thức từ Át-lát địa lí Việt Nam.

**III. CÂU HỎI THAM KHẢO**

**Câu 1: Những nét văn hoá riêng của các dân tộc được thể hiện ở:**

- A. khu vực cư trú chủ yếu.                      B. kinh nghiệm sản xuất ở nghề thủ công truyền thống.  
C. trang phục cổ truyền.                      D. ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán.

**Câu 2 Các dân tộc ít người nước ta thường phân bố ở:**

- A. Trung du, đồng bằng.                      B. Miền núi, duyên hải.  
C. Đồng bằng, duyên hải.                      D. Miền núi, trung du.

**Câu 3: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, các dân tộc ít người có số dân trên một triệu người ở nước ta, gồm:**

- A. Tày, Thái, Mường, Khơ-me                      B. Ê-đê, Ba -na, Gia- rai, Bru Vân Kiều.  
C. Chăm, Hoa, Nùng, Mông                      D. Dao, Cơ-ho, Sán Dìu, Hrê.

**Câu 4: Cơ cấu dân số theo tuổi ở nước ta đang có sự thay đổi theo hướng:**

- A. Nhóm tuổi dưới 15 tăng lên, nhóm tuổi trên 60 giảm.  
B. Nhóm tuổi dưới 15 giảm xuống, nhóm tuổi trên 60 tăng.  
C. Nhóm tuổi từ 15 – 59 tăng lên, nhóm tuổi trên 60 giảm.  
D. Nhóm tuổi dưới 15 và nhóm tuổi trên 60 tăng lên.

**Câu 5: Hiện nay, dân số nước ta có tỉ suất sinh tương đối thấp là do:**

- A. tâm lí xã hội, phong tục tập quán.                      B. thực hiện công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình  
C. quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.                      D. đời sống nhân dân còn khó khăn.

**Câu 6: Quần cư nông thôn không có đặc điểm nào sau đây?**

- A. Có mật độ dân số thấp.  
B. Sống theo làng mạc, thôn xóm.  
C. Nghề chủ yếu là sản xuất nông, lâm ngư nghiệp.  
D. Chủ yếu là nhà cao tầng, khu dân cư, biệt thự...

**Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết mật độ dân số của Đà Nẵng là:**

- A. 101 - 200 người/km<sup>2</sup>                      B. 201 - 500 người/km<sup>2</sup>  
C. 501 - 1000 người/km<sup>2</sup>                      D. 1001 - 2000 người/km<sup>2</sup>

**Câu 8: Mật độ dân số nước ta thuộc loại nào so với các nước trên thế giới?**

- A. Cao nhất thế giới      B. Thấp.      C. Trung bình.      D. Cao.

**Câu 9: Duyên Hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc:**

- A. Chăm, Khơ-me      B. Bru- Vân Kiều, Thái  
C. Ê – đê, Mường      D. Thái, Tày.

**Câu 10: Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với vấn đề xã hội là:**

- A. thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh.      B. môi trường được cải thiện tốt.  
C. chất lượng cuộc sống nâng cao.      D. mức sống thấp, thiếu việc làm.

**Câu 11: Lao động nước ta có trở ngại lớn về:**

- A. tính sáng tạo.      B. kinh nghiệm sản xuất.  
C. khả năng thích ứng với thị trường.      D. thể lực và trình độ chuyên môn.

**Câu 12: Trong điều kiện nền kinh tế nước ta chưa phát triển, nguồn lao động dồi dào tạo sức ép rất lớn lên vấn đề:**

- A. phát triển y tế, giáo dục.      B. giải quyết việc làm.  
C. phát triển các ngành công nghiệp hiện đại.      D. thu hút đầu tư nước ngoài.

**Câu 13: Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm phân bố dân cư của nước ta:**

- A. Dân cư phân bố không đồng đều theo lãnh thổ.  
B. Tây Nguyên là vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta hiện nay.  
C. Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn.  
D. Tỷ lệ dân thành thị của nước ta ngày càng tăng cao.

**Câu 14: Nguồn lao động dồi dào là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển ngành kinh tế:**

- A. sản xuất hàng tiêu dùng.      B. khai thác dầu khí.  
C. điện tử - tin học.      D. hóa chất

**Câu 15: Kết quả của công cuộc Đổi mới đã tác động như thế nào đến nền kinh tế nước ta là:**

- A. Nền kinh tế phát triển chậm, thiếu ổn định, lạm phát gia tăng.  
B. Thu hút đầu tư nước ngoài, tạo việc làm cho người lao động.  
C. Phụ thuộc chặt chẽ vào nước ngoài, gia tăng lạm phát.  
D. Thoát khỏi khủng hoảng, từng bước ổn định và phát triển.

**Câu 16: Công cuộc Đổi mới của nước ta diễn ra vào năm:**

- A. 1976.      B. 1954.      C. 1986.      D. 2000.

**Câu 17: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta biểu hiện chủ yếu ở:**

- A. chuyển dịch cơ cấu theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo tuổi.  
B. chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế, theo tuổi và theo lãnh thổ.  
C. chuyển dịch cơ cấu theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.  
D. chuyển dịch cơ cấu theo ngành, theo tuổi và theo lãnh thổ.

**Câu 18: Trong chuyển dịch cơ cấu ngành, khu vực dịch vụ có xu hướng:**

- A. giảm liên tục.      B. tăng liên tục.  
C. chiếm tỉ trọng thấp nhưng biến động.      D. chiếm tỉ trọng cao nhưng biến động.

**Câu 19: Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế của nước ta là:**

- A. chuyển từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.  
B. giảm tỉ trọng khu vực Nông – lâm – ngư nghiệp và tăng tỉ trọng khu vực Công nghiệp – xây dựng.  
C. hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp, các lãnh thổ tập trung công nghiệp và dịch vụ.  
D. hình thành hệ thống vùng kinh tế với các trung tâm công nghiệp mới và sự phát triển của các thành phố lớn.

**Câu 20. Tài nguyên nào được xem là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của nông nghiệp:**

- A. Đất trồng.      B. Khí hậu.      C. Nguồn nước      D. Sinh vật.

**Câu 21. Tài nguyên đất của nước ta có đặc điểm:**

- A. Đất phù sa và đất feralit chiếm diện tích lớn nhất.
- B. Đất cát ven biển và đất mặn chiếm diện tích lớn nhất.
- C. Đất phù sa và đất feralit chiếm diện tích nhỏ nhất.
- D. Đất cát ven biển và đất mặn chiếm diện tích nhỏ nhất.

**Câu 22. Ở nước ta đất feralit thích hợp nhất để trồng:**

- A. cây công nghiệp lâu năm.
- B. cây rau đậu.
- C. hoa màu.
- D. cây lương thực.

**Câu 23. Đất phù sa ở nước ta phân bố tập trung ở các vùng:**

- A. đồi trung du.
- B. bán bình nguyên.
- C. đồng bằng.
- D. sơn nguyên đá vôi.

**Câu 24. Nước ta trồng nhiều loại cây có nguồn gốc nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới và do:**

- A. gió mùa hoạt động mạnh.
- B. khí hậu phân hóa đa dạng.
- C. nguồn nhiệt, ẩm dồi dào.
- D. mùa khô kéo dài sâu sắc.

**Câu 25. Sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta được biểu hiện là:**

- A. tăng tỉ trọng cây công nghiệp thấp nhất và có xu hướng giảm.
- B. tăng tỉ trọng cây công nghiệp, giảm tỉ trọng cây lương thực.
- C. tăng tỉ trọng cây lương thực, giảm tỉ trọng cây công nghiệp.
- D. tỉ trọng cây lương thực cao nhất và có xu hướng tăng nhanh.

**Câu 26. Lúa, ngô, khoai, sắn được xếp vào nhóm cây:**

- A. Cây công nghiệp.
- B. Cây ăn quả.
- C. Cây lương thực.
- D. Cây rau đậu.

**Câu 27. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ là hai vùng:**

- A. trọng điểm sản xuất lúa lớn nhất nước ta.
- B. chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta.
- C. trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta.
- D. trồng hoa màu, thực phẩm lớn nhất nước ta.

**Câu 28. Hiện nay, chăn nuôi bò sữa nước ta có xu hướng phát triển mạnh ở:**

- A. các cao nguyên badan.
- B. các vùng núi cao.
- C. các vùng đồng bằng ven biển.
- D. ven các thành phố lớn.

**Câu 29: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết những tỉnh, thành phố nào sau đây dẫn đầu về sản lượng khai thác thủy sản:**

- A. Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận
- B. Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ
- C. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình
- D. An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ

**Câu 30: Nước ta có mấy ngư trường trọng điểm?**

- A. 5
- B. 6
- C. 4
- D. 7

**Câu 31: Các loại khoáng sản nhiên liệu là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp:**

- A. sản xuất vật liệu xây dựng.
- B. luyện kim.
- C. sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. năng lượng.

**Câu 32: Nhóm nhân tố có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp là:**

- A. nhân tố tự nhiên.
- B. nhân tố kinh tế - xã hội.
- C. thị trường, chính sách phát triển.
- D. tài nguyên khoáng sản.

**Câu 33: Việc tạo ra các thế mạnh công nghiệp khác nhau của từng vùng trên lãnh thổ nước ta là do**

- A. nhiều loại tài nguyên khác nhau.
- B. sự phân bố của tài nguyên.
- C. tài nguyên có giá trị kinh tế cao.
- D. tài nguyên có trữ lượng lớn.

**Câu 34: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết ngành công nghiệp khai thác dầu khí phát triển nhất ở vùng nào:**

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.                      B. Đồng bằng sông Hồng .  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.                      D. Đông Nam Bộ.

**Câu 35: Ngành công nghiệp dệt may phát triển dựa trên ưu thế về:**

- A. lao động có trình độ cao.                      B. nguồn lao động rẻ.  
C. cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại.                      D. tài nguyên thiên nhiên đa dạng, giàu có.

**Câu 36: Dịch vụ nước ta được chia thành ba nhóm ngành là:**

- A. cá nhân, sản xuất và công cộng.                      B. tiêu dùng, sản xuất và công cộng.  
C. tiêu dùng, du lịch và công cộng.                      D. cá nhân, sản xuất và tiêu dùng.

**Câu 37: Sự phân bố của các hoạt động dịch vụ nước ta phụ thuộc vào sự phân bố của:**

- A. dân cư và hoạt động kinh tế.                      B. các đô thị lớn.  
C. mạng lưới giao thông vận tải.                      D. tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 38: Nhân tố thúc đẩy ngành dịch vụ nước ta phát triển khá nhanh, có nhiều cơ hội vươn lên và thu hút nhiều đầu tư nước ngoài là:**

- A. Chính sách mở cửa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.  
B. Dân cư đông, đời sống người dân ngày càng nâng cao.  
C. Xu hướng toàn cầu hóa.  
D. Chính sách mở cửa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 39: Hai trung tâm dịch vụ lớn nhất cả nước ta là:**

- A. Đà Nẵng và Cần Thơ.                      B. TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội.  
C. Hải Phòng và Cần Thơ.                      D. Đà Nẵng và Hà Nội.

**Câu 40: Ở vùng miền núi nước ta dịch vụ còn nghèo nàn là do:**

- A. Dân cư thưa thớt, kinh tế nặng tự cung tự cấp.  
B. Địa hình hiểm trở, giao thông không thuận lợi.  
C. Khó khăn với giao lưu nước ngoài.  
D. Các đô thị, trung tâm công nghiệp còn nhỏ lẻ và phân tán.

**Câu 41: Cho bảng số liệu:**

**CƠ CẤU GDP CỦA VIỆT NAM NĂM 2010 VÀ NĂM 2015 (Đơn vị: %)**

Năm	2010	2015
Tổng số	100,0	100,0
Nông, lâm, ngư nghiệp	21,0	17,4
Công nghiệp, xây dựng	36,7	38,8
Dịch vụ	42,3	43,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

**Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của nước ta năm 2010 và năm 2015 là:**

- A. Cột.                      B. Đường.                      C. Tròn.                      D. Miền.

**Câu 42: "Giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao" thuộc:**

- A. Dịch vụ tiêu dùng.                      B. Dịch vụ công cộng.  
C. Dịch vụ sản xuất.                      D. Dịch vụ cá nhân và cộng đồng

**Câu 43: Dịch vụ nào sau đây thuộc dịch vụ tiêu dùng:**

- A. Giao thông vận tải, thông tin liên lạc .                      B. Khách sạn và nhà hàng  
C. Kinh doanh tài sản                      D. Quản lý nhà nước, đoàn thể và bảo hiểm bắt buộc.

**Câu 44: Nhận xét không đúng với bảng số liệu: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 1990 và năm 2002 (đơn vị: %)**

Các nhóm cây	Năm	1990	2002
Cây lương thực		67,1	60,8
Cây công nghiệp		13,5	22,7
Cây rau quả, rau đậu và các cây khác		19,4	16,5

- A. Cây lương thực chiếm tỉ trọng cao nhất  
 B. Tỉ trọng cây công nghiệp tăng nhanh nhất  
 C. Tỉ trọng cây rau quả, rau đậu tăng nhanh nhất  
 D. Tỉ trọng cây lương thực đang có xu hướng giảm

**Câu 45: Dịch vụ không phải là ngành:**

- A. Gồm dịch vụ sản xuất, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ công cộng.  
 B. Đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của con người.  
 C. Trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.  
 D. Nền kinh tế càng đa dạng dịch vụ càng phát triển.

**\*Lưu ý:**

- Đề kiểm tra 100% trắc nghiệm theo hình thức chọn đáp án đúng
- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Được sử dụng Át-lát Địa lí Việt Nam và máy tính.

===Chúc các con ôn tập tốt===

TRƯỜNG THCS  
 NGUYỄN TRI PHƯƠNG